

DANH SÁCH CHUYỂN ĐỔI MÃ VÙNG ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH

Danh sách các tỉnh và thành phố chuyển mã vùng đợt 1:

| STT | Tỉnh/ Thành phố (Từ 11/2) | Mã vùng cũ (13/3 Hết hạn) | Mã vùng mới |
|-----|---------------------------|------------------------------|-------------|
| 1 | Sơn La | 22 | 212 |
| 2 | Lai Châu | 231 | 213 |
| 3 | Lào Cai | 20 | 214 |
| 4 | Điện Biên | 230 | 215 |
| 5 | Yên Bái | 29 | 216 |
| 6 | Quảng Bình | 52 | 232 |
| 7 | Quảng Trị | 53 | 233 |
| 8 | Thừa Thiên - Huế | 54 | 234 |
| 9 | Quảng Nam | 510 | 235 |
| 10 | Đà Nẵng | 511 | 236 |
| 11 | Thanh Hóa | 37 | 237 |
| 12 | Nghệ An | 38 | 238 |
| 13 | Hà Tĩnh | 39 | 239 |

Danh sách các tỉnh và thành phố chuyển mã vùng đợt 2:

| STT | Tỉnh/ Thành phố Giai đoạn 2 | Mã vùng cũ (14/5 Hết hạn) | Mã vùng mới |
|-----|--------------------------------|------------------------------|-------------|
| 1 | Quảng Ninh | 33 | 203 |
| 2 | Bắc Giang | 240 | 204 |
| 3 | Lạng Sơn | 25 | 205 |
| 4 | Cao Bằng | 26 | 206 |
| 5 | Tuyên Quang | 27 | 207 |
| 6 | Thái Nguyên | 280 | 208 |
| 7 | Bắc Cạn | 281 | 209 |
| 8 | Hải Dương | 320 | 220 |
| 9 | Hưng Yên | 321 | 221 |
| 10 | Bắc Ninh | 241 | 222 |
| 11 | Hải Phòng | 31 | 225 |
| 12 | Hà Nam | 351 | 226 |
| 13 | Thái Bình | 36 | 227 |
| 14 | Nam Định | 350 | 228 |
| 15 | Ninh Bình | 30 | 229 |
| 16 | Cà Mau | 780 | 290 |
| 17 | Bạc Liêu | 781 | 291 |
| 18 | Cần Thơ | 710 | 292 |
| 19 | Hậu Giang | 711 | 293 |
| 20 | Trà Vinh | 74 | 294 |
| 21 | An Giang | 76 | 296 |
| 22 | Kiên Giang | 77 | 297 |
| 23 | Sóc Trăng | 79 | 299 |

Danh sách các tỉnh và thành phố chuyển mã vùng đợt 3:

| STT | Tỉnh/ Thành phố Giai đoạn 3 | Mã vùng cũ (16/7Hết hạn) | Mã vùng mới |
|-----|--------------------------------|-----------------------------|-------------|
| 1 | Hà Nội | 4 | 24 |
| 2 | TP. Hồ Chí Minh | 8 | 28 |
| 3 | Đồng Nai | 61 | 251 |
| 4 | Bình Thuận | 62 | 252 |
| 5 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 64 | 254 |
| 6 | Quảng Ngãi | 55 | 255 |
| 7 | Bình Định | 56 | 256 |
| 8 | Phú Yên | 57 | 257 |
| 9 | Khánh Hoà | 58 | 258 |
| 10 | Ninh Thuận | 68 | 259 |
| 11 | Kon Tum | 60 | 260 |
| 12 | Đắk Nông | 501 | 261 |
| 13 | Đắk Lắk | 500 | 262 |
| 14 | Lâm Đồng | 63 | 263 |
| 15 | Gia Lai | 59 | 269 |
| 16 | Vĩnh Long | 70 | 270 |
| 17 | Bình Phước | 651 | 271 |
| 18 | Long An | 72 | 272 |
| 19 | Tiền Giang | 73 | 273 |
| 20 | Bình Dương | 650 | 274 |
| 21 | Bến Tre | 75 | 275 |
| 22 | Tây Ninh | 66 | 276 |
| 23 | Đồng Tháp | 67 | 277 |

